

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	7 – 47
<i>Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>	<i>14 – 46</i>
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>47</i>

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 16 tháng 04 năm 2026.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 18: 145.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2026: 145.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Mã số thuế : 0100106803

Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này từ trang 07 đến trang 47.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Lãnh đạo khẳng định không có sự kiện nào xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO

Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Dương Thị Lam	Chủ tịch	
Bà Phan Thị Thu Hiền	Thành viên	
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên	
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 9/01/2026
Bà Lại Hà Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 9/01/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đào Mạnh Hùng	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên	
Bà Trần Thị Hải Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 9/01/2026
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 9/01/2026

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/4/2026
Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/4/2026
Ông Nguyễn Thái Dũng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/4/2026

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Bà Vũ Thị Mai Hồng	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Dương Thị Lam

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Hà Nội đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Lãnh đạo phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật chứng khoán sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Thay mặt Ban Lãnh đạo

Giám đốc



Chu Việt Cường

Theo Giấy ủy quyền số 08/UQ-TPHN-HCNS ngày 15/6/2026

Số : 1506.02.02/2026/BCTC-NTVHN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo**
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội, được lập ngày 24 tháng 8 năm 2026 từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam số 2410 - Chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ soát xét; soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

+ Qua rà soát báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026 của Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Bắc Qua (Công ty con của Công ty) chúng tôi không xác định được tính hiện hữu và đầy đủ của khoản phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta bao gồm Công nợ phải trả người bán với giá trị tại ngày 30/6/2026 là 8.473.253.570 đồng (số tại ngày 1/1/2026 là 8.773.253.570 đồng) và khoản chi phí phải trả dài hạn là lãi chậm trả với số tiền 8.919.671.660 đồng do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó, chúng tôi không thể xác định các ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên tới các chỉ tiêu liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

+ Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội đã ghi nhận khoản chi phí bồi thường số tiền 12.706.000.000 VND. Đến thời điểm hiện tại, chúng tôi chưa được cung cấp các bằng chứng kiểm toán làm căn cứ cho việc xác định khoản chi phí bồi thường nêu trên. Do đó chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá tính phù hợp của khoản chi phí bồi thường này.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận kiểm toán ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Phó Giám đốc



Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNTK số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.945.817.906	77.317.420.520
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.020.359.051	4.607.611.319
1. Tiền	111		6.020.359.051	4.607.611.319
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.202.528.767	49.015.799.999
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	49.330.027.768	60.143.299.000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	V.2a	(11.127.499.001)	(11.127.499.001)
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.346.923.388	10.300.820.292
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.532.540.432	2.220.744.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.226.768.940	3.257.150.721
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	25.970.913.530	23.234.285.383
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(19.383.299.514)	(18.411.360.312)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	9.361.615	9.361.615
1. Hàng tồn kho	141		9.361.615	9.361.615
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.366.645.085	13.383.827.295
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	475.533.890	165.453.988
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		889.990.100	10.108.819.411
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.15	1.121.095	3.109.553.896
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		193.830.280.034	187.472.694.803
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		915.498.455	290.030.959
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	915.498.455	290.030.959
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		40.704.827.399	42.593.386.065
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	40.704.827.399	42.593.386.065
- Nguyên giá	222		130.271.400.462	130.271.400.462
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.566.573.063)	(87.678.014.397)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		227.000.000	227.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(227.000.000)	(227.000.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		151.109.753.073	143.636.550.295
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	151.109.753.073	143.636.550.295
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2b	521.834.041	586.857.209
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		357.129.751	357.129.751
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		1.173.049.254	1.173.049.254
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(1.008.344.964)	(943.321.796)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		578.367.066	365.870.275
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	578.367.066	365.870.275
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		250.776.097.940	264.790.115.323

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		149.469.156.688	157.338.157.825
I. Nợ ngắn hạn	310		125.245.550.213	133.495.976.950
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	11.102.786.132	8.192.840.937
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	15.379.117	63.629.117
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14	42.047.350	621.223.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	1.090.464.714	854.150.975
5. Phải trả người lao động	315		433.149.854	550.773.622
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16a	203.823.363	138.912.258
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.17	1.840.541.366	1.827.112.300
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.18a	30.717.120.755	26.447.097.179
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.19	79.640.200.000	94.640.200.000
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		160.037.562	160.037.562
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.223.606.475	23.842.180.875
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	8.473.253.570	8.773.253.570
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334	V.16b	8.919.671.660	8.919.671.660
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.18b	6.830.681.245	6.149.255.645
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.20	101.306.941.252	107.451.957.498
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		285.291.856	285.291.856
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(466.433.001)	(466.433.001)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		784.749.635	784.749.635
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(121.723.428.678)	(117.958.081.524)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(117.958.081.524)	(86.551.461.090)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		(3.765.347.154)	(31.406.620.434)
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		77.426.761.440	79.806.430.532
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		250.776.097.940	264.790.115.323

Phùng Thị Thúy
Người lập biểuVũ Thị Mai Hồng
Kế toán trưởng

Lập, ngày 24 tháng 08 năm 2026

Chu Việt Cường
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	22.523.265.975	35.983.676.505
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.382.175
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		22.523.265.975	35.982.294.330
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.203.281.954	17.582.120.475
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.319.984.021	18.400.173.855
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	1.539.570.926	1.638.965.580
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	4.995.533.806	4.344.209.269
Trong đó: chi phí đi vay	24		4.930.510.638	4.344.209.269
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.590.631.897	2.975.526.341
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.238.364.126	19.710.264.074
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	(177.365.448)
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.964.974.882)	(7.168.225.697)
13. Thu nhập khác	31	VI.7	20.378	456.365.784
14. Chi phí khác	32	VI.8	1.079.461.742	36.860.741
15. Lợi nhuận khác	40		(1.079.441.364)	419.505.043
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.044.416.246)	(6.748.720.654)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	100.600.000	65.600.000
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.145.016.246)	(6.814.320.654)
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(3.765.347.154)	(4.013.401.112)
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.379.669.092)	(2.800.919.542)
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(260)	(277)
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(260)	(277)

Phùng Thị Thúy
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hồng
Kế toán trưởng



Lập, ngày 24 tháng 08 năm 2026

Chu Việt Cường
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(6.044.416.246)	(6.748.720.654)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.888.558.666	2.239.113.859
- Các khoản dự phòng	03		1.036.962.370	2.100.663.004
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(1.539.570.926)	(1.656.490.611)
- Chi phí đi vay	06		4.930.510.638	4.344.209.269
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		272.044.502	278.774.867
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.688.252.318	(1.892.669.482)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	3.066.769.030
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		994.309.751	6.676.008.108
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(522.576.693)	3.069.994.714
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(1.017.808.218)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(394.949.437)	(155.773.677)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.019.272.223	11.043.103.560
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.380.190.999)	(8.913.336.254)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	225.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.500.000.000)	(57.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.500.000.000	38.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.352.842.158	1.494.469.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.972.651.159	(26.593.866.462)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(579.175.650)	(682.821.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.579.175.650)	(682.821.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.412.747.732	(16.233.584.402)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.607.611.319	34.894.594.293
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	6.020.359.051	18.661.009.891

Lập, ngày 24 tháng 08 năm 2026


Phùng Thị Thúy
Người lập biểu


Vũ Thị Mai Hồng
Kế toán trưởng


Chu Việt Cường
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Khái quát về công ty:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.

Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 16 tháng 04 năm 2026.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 18: 145.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2026: 145.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0100106803

3. Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp dịch vụ, kinh doanh thương mại thực phẩm.

4. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác. Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và các thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim sơn trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện dân dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt, máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ, nhà khách và nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các Công ty con được hợp nhất:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	Số 19, phố Hàng Khoai, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Đầu tư, xây dựng kỹ thuật hạ tầng trung tâm thương mại, tòa nhà văn phòng	55,57%	55,57%
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	Số 21 Trần Khánh Dư, Phường Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Kinh doanh thương mại dịch vụ	51,00%	51,00%

Hiện các công ty con đang hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	Khu Công nghiệp Hapro, Xã Thuận An, TP Hà Nội	Sản xuất thực phẩm	37,04%	37,04%
Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội	Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	27,59%	27,59%

Hiện các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động bình thường.

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:** Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 01/01/2026, do vậy số liệu BCTC hợp nhất giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC hợp nhất giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 41 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 43 nhân viên).

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng,... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc được xác định theo giá trị thực tế của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

5. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của doanh nghiệp là:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập trong năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển... các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng; tiền thuê đất...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển

21. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

b) Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	280.186.367	213.796.215
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.740.172.684	4.393.815.104
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	3.319.697.808	1.557.894.747
Ngân hàng TMCP Á Châu	2.420.474.876	2.816.390.525
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	19.529.832
Cộng	6.020.359.051	4.607.611.319

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan				
Cho vay Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	9.161.944.446	(9.161.944.446)	9.161.944.446	(9.161.944.446)
Lãi cho vay Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Các tổ chức khác				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	5.661.944.446	(5.661.944.446)	5.661.944.446	(5.661.944.446)
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Đông Nam Á kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 8%/năm	40.168.083.322	(1.965.554.555)	50.981.354.554	(1.965.554.555)
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Á Châu kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,9%/năm-7,9%/năm	37.500.000.000	-	48.500.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	20.000.000.000	-	32.500.000.000	-
Cho vay Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	17.500.000.000	-	16.000.000.000	-
Lãi cho vay Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội	702.528.767	-	515.799.999	-
Cộng	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
	965.554.555	(965.554.555)	965.554.555	(965.554.555)
	49.330.027.768	(11.127.499.001)	60.143.299.000	(11.127.499.001)

(*) Phải thu về cho vay với Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm theo các hợp đồng sau:

- Theo Hợp đồng số 17/HĐTD ngày 07/12/2012, số tiền cho vay: 2.000.000.000 VND, thời hạn cho vay: 3 tháng, lãi suất cho vay: 15%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo Phụ lục số 06-17/PLHĐTD ngày 01/11/2014 sửa đổi lãi suất thành 9%/năm từ 01/11/2014 và phụ lục số 07-17/PLHĐTD ngày 02/01/2015 gia hạn thời gian cho vay đến 30/06/2015. Theo Phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 08-17/PLHĐTD ngày 16/6/2026 đã thống nhất điều chỉnh lãi suất cho vay thành 0% tính từ ngày 1/1/2026.

- Theo Hợp đồng số 55/HĐTD ngày 26/08/2014, số tiền cho vay: 1.500.000.000 VND, thời hạn cho vay: 12 tháng, lãi suất cho vay: 10%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 01-55/PLHĐTD ngày 01/11/2014 sửa đổi lãi suất thành 9%/năm từ 01/11/2014. Theo Phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 02-55/PLHĐTD ngày 16/6/2026 đã thống nhất điều chỉnh lãi suất cho vay thành 0% tính từ ngày 1/1/2026.

(**) Theo hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 01/06/2013 với Công ty Cổ phần Phát triển Siêu thị Hà Nội, số tiền cho vay: 1.000.000.000 VND, thời hạn cho vay: 3 tháng, lãi suất cho vay: 13%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phụ lục số 04-60/PLHĐVV-PTST sửa đổi lãi suất thành 9%/năm và gia hạn thời gian cho vay đến 31/12/2015. Theo Phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 05-60/PLHĐVV-PTST ngày 16/6/2026 đã thống nhất điều chỉnh lãi suất cho vay thành 0% tính từ ngày 1/1/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**b) Đầu tư tài chính dài hạn*****Đầu tư vào công ty liên kết***

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm (1)	17.500.000.000	-	17.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội (2)	400.000.000	357.129.751	400.000.000	357.129.751
Cộng	17.900.000.000	357.129.751	17.900.000.000	357.129.751

(1) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm thành lập và đăng ký lần đầu ngày 17/01/2007, người đại diện theo pháp luật là Ông Trần Duy Hiền, vốn điều lệ tại ngày 30/06/2026 là 47.250.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp vốn 17.500.000.000 VND, tương đương 37,04% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc, gia cầm là Sản xuất thực phẩm.

Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	17.500.000.000	17.500.000.000
Tỷ lệ sở hữu	37,04%	37,04%
Tăng/giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(17.500.000.000)	(17.500.000.000)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-

(2) Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội thành lập và đăng ký lần đầu ngày 23/03/2013, người đại diện theo pháp luật là Bà Vũ Thị Thu Hương, vốn điều lệ tại ngày 30/06/2026 là 1.450.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp vốn 400.000.000 VND, tương đương 27,59% vốn điều lệ. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Âm thực Hà Nội là Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	400.000.000	400.000.000
Tỷ lệ sở hữu	27,59%	27,59%
Tăng/giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(42.870.249)	(42.870.249)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán	357.129.751	357.129.751

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy sản Kiên Giang	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Chế biến Thực phẩm Hà Nội	1.073.049.254	(1.008.344.964)	1.073.049.254	(943.321.796)
Cộng	1.173.049.254	(1.008.344.964)	1.173.049.254	(943.321.796)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác	2.532.540.432	2.220.744.500
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Châu Á Thái Bình Dương	842.670.752	842.670.752
Công ty Cổ phần nhà hàng Quốc Tế	287.301.547	287.301.547
Công ty TNHH Ivory	157.500.000	-
Công ty TNHH Bán lẻ và Siêu thị Việt Nam	117.050.010	90.962.447
Công ty TNHH Xuất- Nhập khẩu và Bán lẻ hàng tiêu dùng Hà Nội	115.682.946	102.682.532
Các khách hàng khác	1.012.335.177	897.127.222
Cộng	2.532.540.432	2.220.744.500

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	312.692.923	312.692.923
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	312.692.923	312.692.923
Trả trước cho người bán khác	1.914.076.017	2.944.457.798
Công ty TNHH Xây lắp hệ thống ME Hoa Phượng	-	902.330.932
Công ty Cổ phần Cơ điện HAECO	643.069.530	643.069.530
Các nhà cung cấp khác	1.271.006.487	1.399.057.336
Cộng	2.226.768.940	3.257.150.721

5. Phải thu khác**a) Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	25.970.913.530	(16.691.856.531)	23.234.285.383	(15.719.917.329)
Tạm ứng	11.561.686.243	(8.125.679.663)	11.562.914.243	(8.125.679.663)
Các khoản phải thu khác	14.409.227.287	(8.566.176.868)	11.671.371.140	(7.594.237.666)
Ông Nguyễn Quốc Hùng (*)	2.260.864.514	(2.260.864.514)	2.260.864.514	(2.260.864.514)
Phải thu tiền thuê đất chi hộ	11.858.270.790	(6.045.639.021)	9.142.333.293	(5.073.699.819)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	290.091.983	(259.673.333)	268.173.333	(259.673.333)
Cộng	25.970.913.530	(16.691.856.531)	23.234.285.383	(15.719.917.329)

(*) Khoản phải thu Ông Nguyễn Quốc Hùng về tài sản thiếu hụt của Trung tâm Kinh doanh thực phẩm tổng hợp sau khi chấm dứt hoạt động mà Ông Nguyễn Quốc Hùng phải chịu trách nhiệm thu hồi và hoàn trả cho Công ty theo Biên bản làm việc ngày 24/5/2017 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**b) Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	915.498.455	-	290.030.959	-
Ký cược, ký quỹ	737.322.455	-	111.854.959	-
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta	178.176.000	-	178.176.000	-
Cộng	915.498.455	-	290.030.959	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong kỳ:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(18.411.360.312)	-	(18.411.360.312)
Trích lập dự phòng	(971.939.202)	-	(971.939.202)
Số cuối kỳ	(19.383.299.514)	-	(19.383.299.514)

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	9.361.615	-	9.361.615	-
Cộng	9.361.615	-	9.361.615	-

8. Chi phí chờ phân bổ**a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê nhà	369.854.938	-
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	105.678.952	165.453.988
Cộng	475.533.890	165.453.988

b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	5.632.083	16.444.923
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	572.734.983	349.425.352
Cộng	578.367.066	365.870.275

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	121.547.685.208	3.970.802.737	2.626.236.348	2.126.676.169	130.271.400.462
Số cuối kỳ	121.547.685.208	3.970.802.737	2.626.236.348	2.126.676.169	130.271.400.462
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	33.933.649.822	2.389.905.977	2.626.236.348	1.396.107.152	40.345.899.299
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	79.605.956.640	3.688.368.296	2.626.236.348	1.757.453.113	87.678.014.397
Khấu hao trong kỳ	1.795.280.478	41.758.691	-	51.519.497	1.888.558.666
Số cuối kỳ	81.401.237.118	3.730.126.987	2.626.236.348	1.808.972.610	89.566.573.063
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	41.941.728.568	282.434.441	-	369.223.056	42.593.386.065
Số cuối kỳ	40.146.448.090	240.675.750	-	317.703.559	40.704.827.399

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 227.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
3.307.864.029	7.416.952.778	-	3.307.864.029
Xây dựng cơ bản dở dang			
Dự án: "Đầu tư xây dựng Khu nhà ở" tại địa chỉ số 54 ngõ 459 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội (1)			
1.239.269.981	-	-	1.239.269.981
Dự án: "Trung tâm thương mại và Dịch vụ Ciru Long" tại địa chỉ số 253 Phố Vọng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội (2)			
2.068.594.048	-	-	2.068.594.048
136.240.986.471	7.416.952.778	-	143.657.939.249
Công trình Siêu thị Thương mại dịch vụ Bắc Qua (3)			
4.087.699.795	-	-	4.087.699.795
Tòa nhà thương mại HFC - Lãng Yên			
-	56.250.000	-	56.250.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định			
143.636.550.295	14.890.155.556	-	151.109.753.073

(1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 629/2009/HANOIFOOD-COTANA ngày 02/11/2009 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana) gọi là bên (B). Mục đích của hợp đồng là Hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đất tại ngõ 459 Bạch Mai, phường Bạch Mai, TP. Hà Nội, thực hiện dự án đầu tư xây dựng tòa nhà chung cư trên khu đất này với quy mô xây dựng dự kiến: Tổng diện tích khu đất 2.085,9 m2; mật độ xây dựng 50%; đất xây dựng tòa nhà chung cư 25 tầng với 1.000 m2; diện tích xây dựng sân vườn, đường nội bộ 1.085,9 m2.

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 103/HĐKTKD ngày 13/09/2010 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Liên doanh Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (Vinaconex R&D) do Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Delta làm đại diện gọi là bên (B). Lô đất là phần diện tích đất tại 253 Phố Vọng, phường Bạch Mai, TP. Hà Nội có diện tích 3.255,7 m2, diện tích thực tế được xác định theo biên bản giao đất. Mục đích của hợp đồng hợp tác kinh doanh để cùng triển khai thực hiện Dự án, khai thác kinh doanh mặt bằng dự án sau đầu tư và phân chia lợi nhuận từ hoạt động trên khu đất trên. Sản phẩm của hợp đồng này là diện tích tính theo m2 của căn hộ, văn phòng và các phần diện tích hữu ích khác trong phạm vi lô đất, các dịch vụ sinh lời có thể phát sinh theo thời gian.

(3) Dự án đầu tư Siêu thị Thương mại Bắc Qua được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01121000877 ngày 06/10/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội tại địa điểm 19 Hàng Khoai, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Mục đích dự án: Xây dựng mới công trình siêu thị thương mại. Trong năm 2025, Dự án đầu tư "Siêu thị thương mại dịch vụ Bắc Qua" của Công ty đã được nghiệm thu Phòng cháy và chữa cháy theo văn bản số 617/NT-PCCC ngày 31/07/2025; được Sở Xây dựng chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành đối với công trình theo văn bản số 1240/TB-SXD ngày 23/10/2025.

848
ÔNG
TNH
M T C
TÂN
NH
HÀ N
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 20/01/2026, Công ty đã thực hiện đăng ký tài sản gắn liền với đất trên Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 985789 cấp ngày 28/12/2011; theo Giấy phép xây dựng số 105/GPXD ngày 24/08/2011 và Văn bản số 5392/SXD-CP ngày 05/07/2024 về Phụ lục Giấy phép xây dựng số 105/GPXD ngày 24/08/2011 của Sở Xây dựng với nội dung:

- Công trình: Siêu thị thương mại dịch vụ Bắc Qua;
- Diện tích sàn xây dựng: 2 tầng hầm có diện tích 4137m² và 4 tầng nổi có tổng diện tích 5874 m²;
- Tại Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 15 theo Bản đồ dự án tổng thể;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**12. Phải trả người bán****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>11.102.786.132</i>	<i>8.192.840.937</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hà Nội	3.292.371.216	4.592.371.216
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư và Công nghệ ALC	2.287.176.171	207.585.205
Công ty TNHH Xây lắp hệ thống ME Hoa Phượng	2.184.397.922	-
Công ty TNHH Kone Việt Nam	549.720.000	549.720.000
Các nhà cung cấp khác	2.789.120.823	2.843.164.516
Cộng	11.102.786.132	8.192.840.937

b) Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>8.473.253.570</i>	<i>8.773.253.570</i>
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng Delta	8.473.253.570	8.773.253.570
Cộng	8.473.253.570	8.773.253.570

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>15.379.117</i>	<i>63.629.117</i>
Hộ Kinh doanh Hiệp Thảo	-	47.250.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại tổng hợp Vincommerce	8.623.855	8.623.855
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Hội nhập Phát triển Đông Hưng	5.378.734	5.378.734
Các khách hàng khác	1.376.528	2.376.528
Cộng	15.379.117	63.629.117

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>60.000.000</i>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần	-	60.000.000
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>42.047.350</i>	<i>561.223.000</i>
Các cổ đông khác	42.047.350	561.223.000
Cộng	42.047.350	621.223.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	106.732.433	-	941.088.699	(700.430.273)	347.390.859	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	346.249.437	1.121.095	100.600.000	(394.949.437)	51.900.000	1.121.095
Thuế thu nhập cá nhân	65.068.836	-	106.531.092	(141.331.301)	30.268.627	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.108.432.801	14.209.452.851	(10.776.215.091)	324.804.959	-
Các loại thuế khác	336.100.269	-	-	-	336.100.269	-
Cộng	854.150.975	3.109.553.896	15.357.672.642	(12.012.926.102)	1.090.464.714	1.121.095

Thuế phải thu được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5%, 8%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế.

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VI.9.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả****a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>203.823.363</i>	<i>138.912.258</i>
Chi phí trích trước tiền điện nước phải trả	194.179.400	133.205.854
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	9.643.963	5.706.404
Cộng	203.823.363	138.912.258

b) Chi phí phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>8.919.671.660</i>	<i>8.919.671.660</i>
Lãi chậm trả Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Delta	8.919.671.660	8.919.671.660
Cộng	8.919.671.660	8.919.671.660

17. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định	1.840.541.366	1.827.112.300
Cộng	1.840.541.366	1.827.112.300

18. Phải trả khác**a) Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>19.959.884.204</i>	<i>17.679.114.607</i>
Lãi vay phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	19.959.884.204	17.679.114.607
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>10.757.236.551</i>	<i>8.767.982.572</i>
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh	10.185.975.895	8.554.043.072
Nhận ký quỹ, ký cược	298.751.500	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	272.509.156	213.939.500
Cộng	30.717.120.755	26.447.097.179

b) Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các cá nhân, tổ chức

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>183.552.600</i>	<i>166.866.000</i>
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội - Tiền ký quỹ	183.552.600	166.866.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.647.128.645</i>	<i>5.982.389.645</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	6.647.128.645	5.982.389.645
Cộng	6.830.681.245	6.149.255.645

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>41.812.200.000</i>	<i>41.812.200.000</i>	<i>41.812.200.000</i>	<i>41.812.200.000</i>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP (1)	41.812.200.000	41.812.200.000	41.812.200.000	41.812.200.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>37.828.000.000</i>	<i>37.828.000.000</i>	<i>52.828.000.000</i>	<i>52.828.000.000</i>
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh (2)	37.828.000.000	37.828.000.000	52.828.000.000	52.828.000.000
Cộng	79.640.200.000	79.640.200.000	94.640.200.000	94.640.200.000

(1) Khoản vay Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP số tiền vay là 41.812.200.000 VND; mục đích sử dụng tiền vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay 11%/năm. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân, được gia hạn đến ngày 31/12/2026 theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2022/HAPRO-THUCPHAM-PL11 ngày 8/1/2026.

(2) Khoản vay Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Phú Thịnh số tiền 37.828.000.000 VND, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 11%/năm với mục đích phục vụ nhu cầu tài chính. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2024/HĐVV/PTTNNH-TPHN ngày 9/1/2026 gia hạn thời hạn vay đến ngày 31/12/2026.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn các bên liên quan	41.812.200.000	-	-	41.812.200.000
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	52.828.000.000	-	(15.000.000.000)	37.828.000.000
Cộng	94.640.200.000	-	(15.000.000.000)	79.640.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	145.000.000.000	285.291.856	(466.433.001)	784.749.635	(86.551.461.090)	84.077.756.666	143.129.904.066
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(31.406.620.434)	(2.997.326.134)	(34.403.946.568)
Chia cổ tức, lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	-	-	(1.274.000.000)	(1.274.000.000)
Số dư cuối năm trước	145.000.000.000	285.291.856	(466.433.001)	784.749.635	(117.958.081.524)	79.806.430.532	107.451.957.498
Số dư đầu năm nay	145.000.000.000	285.291.856	(466.433.001)	784.749.635	(117.958.081.524)	79.806.430.532	107.451.957.498
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	(3.765.347.154)	(2.379.669.092)	(6.145.016.246)
Số dư cuối kỳ này	145.000.000.000	285.291.856	(466.433.001)	784.749.635	(121.723.428.678)	77.426.761.440	101.306.941.252

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty TNHH Phát triển Kinh doanh Khánh An	34.197.000.000	23,58%	34.197.000.000	23,58%
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Quốc tế Tầm nhìn mới	33.867.000.000	23,36%	33.867.000.000	23,36%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông minh Quốc tế	33.831.230.000	23,33%	33.831.230.000	23,33%
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần	28.995.500.000	20,00%	28.995.500.000	20,00%
Các cổ đông khác	14.109.270.000	9,73%	14.109.270.000	9,73%
Cộng	145.000.000.000	100,00%	145.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**c) Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phát hành	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.500.000	14.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.500.000	14.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.500.000	14.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.500.000	14.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a) Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	14.715.787.039
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.523.265.975	21.267.889.466
Cộng	22.523.265.975	35.983.676.505

b) Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	-	2.333.331
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP - Trung tâm xuất nhập khẩu Phía Bắc	-	1.724.072
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội	333.732.000	303.392.728
Cộng	333.732.000	307.450.131

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	13.381.411.997
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.203.281.954	4.200.708.478
Cộng	11.203.281.954	17.582.120.475

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.539.570.926	1.638.965.580
Cộng	1.539.570.926	1.638.965.580

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	4.930.510.638	4.344.209.269
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	65.023.168	-
Cộng	4.995.533.806	4.344.209.269

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	729.436.175	1.232.873.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	9.654.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.626.983	650.713.206
Các chi phí khác	605.568.739	1.082.284.229
Cộng	1.590.631.897	2.975.526.341

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.559.541.080	3.014.590.911
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.988.008	23.878.782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.418.143	124.654.507
Thuế, phí và lệ phí	5.843.552.162	12.828.447.538
Dự phòng phải thu khó đòi	971.939.202	2.100.663.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	829.564.041	428.288.157
Các chi phí khác	922.361.490	1.189.741.175
Cộng	11.238.364.126	19.710.264.074

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	194.890.479
Phạt thanh lý hợp đồng trước hạn	-	152.567.073
Thu nhập khác	20.378	108.908.232
Cộng	20.378	456.365.784

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt, lãi chậm nộp	40.503.100	5.294.981
Chi phí khác	1.038.958.642	31.565.760
Cộng	1.079.461.742	36.860.741

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bắc Qua	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Lãng Yên	100.600.000	65.600.000
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.600.000	65.600.000

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.765.347.154)	(4.013.401.112)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.765.347.154)	(4.013.401.112)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	14.500.000	14.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(260)	(277)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.500.000	14.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.500.000	14.500.000

11. Chi phí theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	3.362.927.094	4.313.378.662
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.888.558.666	2.239.113.859
Chi phí dự phòng	971.939.202	2.100.663.004
Thuế, phí, lệ phí	12.028.104.302	12.828.447.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.935.716.570	3.132.870.426
Chi phí khác	1.845.032.143	2.272.025.404
Cộng	24.032.277.977	26.886.498.893

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Lãnh đạo (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong kỳ, Công ty không phát sinh công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Họ tên	Chức danh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Bà Dương Thị Lam	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Phan Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm 30/5/2025)	18.000.000	3.000.000
	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 9/01/2026)	-	18.000.000
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 9/01/2026)	-	18.000.000
Bà Lại Hà Phương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 30/5/2025)	-	15.000.000
Bà Ngô Lan Hương	Trưởng ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên ban kiểm soát	9.000.000	6.000.000
Bà Trần Thị Hải Phương	Thành viên ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 9/01/2026)	9.000.000	-
	Thành viên ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 9/01/2026)	-	6.000.000
Ông Nguyễn Việt Thắng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/4/2026)	200.847.188	179.856.067
	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/4/2026)	247.992.949	374.861.000
Ông Nguyễn Thái Dũng	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/4/2026)	-	107.828.762
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/4/2025)	-	788.545.829
Tổng cộng		544.840.137	788.545.829

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP - Trung tâm xuất nhập khẩu Phía Bắc	Chi nhánh của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP		
Lãi tiền vay phải trả	2.280.769.597	2.280.769.597
Phải thu tiền bán hàng	-	2.520.000
Thu tiền bán hàng	-	2.520.000
Trả tiền cổ tức	60.000.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP - Trung tâm xuất nhập khẩu Phía Bắc		
Phải thu tiền bán hàng	-	1.862.000
Thu tiền bán hàng	-	1.862.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm		
Lãi cho vay phải thu	-	237.562.500
Công ty Cổ phần Ẩm thực Hà Nội		
Tiền thuê mặt bằng	367.105.200	333.732.000
Thu tiền thuê mặt bằng	367.105.200	333.732.000
Thu tiền đặt cọc bổ sung	16.686.600	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.2; V.4; V.14; V.18; V.19./.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

B, Thông tin về khu vực địa lý

Hầu hết hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	79.640.200.000	-	-	79.640.200.000
Phải trả người bán	11.102.786.132	8.473.253.570	-	19.576.039.702
Các khoản phải trả khác	31.396.141.322	15.750.352.905	-	47.146.494.227
Cộng	122.139.127.454	24.223.606.475	-	146.362.733.929
Số đầu năm				
Vay và nợ	94.640.200.000	-	-	94.640.200.000
Phải trả người bán	8.192.840.937	8.773.253.570	-	16.966.094.507
Các khoản phải trả khác	27.758.006.059	15.068.927.305	-	42.826.933.364
Cộng	130.591.046.996	23.842.180.875	-	154.433.227.871

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.020.359.051	4.607.611.319	6.020.359.051	4.607.611.319
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	38.202.528.767	49.015.799.999	38.202.528.767	49.015.799.999
Phải thu khách hàng	722.939.776	411.143.844	722.939.776	411.143.844
Các khoản phải thu khác	10.194.555.454	7.804.399.013	10.194.555.454	7.804.399.013
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	521.834.041	586.857.209	521.834.041	586.857.209
Cộng	55.662.217.089	62.425.811.384	55.662.217.089	62.425.811.384
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	79.640.200.000	94.640.200.000	79.640.200.000	94.640.200.000
Phải trả người bán	19.576.039.702	16.966.094.507	19.576.039.702	16.966.094.507
Các khoản phải trả khác	47.146.494.227	42.826.933.364	47.146.494.227	42.826.933.364
Cộng	146.362.733.929	154.433.227.871	146.362.733.929	154.433.227.871

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Lãnh đạo khẳng định không có sự kiện nào xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do đó Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu tại ngày 01/01/2026 (đã phân loại lại)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	48.500.000.000	60.143.299.000
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	-	(11.127.499.001)
Phải thu ngắn hạn khác	135	30.377.584.383	23.234.285.383
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	(29.538.859.313)	(18.411.360.312)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	621.223.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	27.068.320.179	26.447.097.179

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 24 tháng 8 năm 2026

Giám đốc

Phùng Thị Thúy

Vũ Thị Mai Hồng



Chu Việt Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn		1.809.600.656	(1.809.600.656)		1.809.600.656	(1.809.600.656)
Các tổ chức và cá nhân khác		1.809.600.656	(1.809.600.656)		1.809.600.656	(1.809.600.656)
Công ty TNHH du lịch và thương mại Châu Á Thái Bình Dương	Khó có khả năng thu hồi	842.670.752	(842.670.752)	Khó có khả năng thu hồi	842.670.752	(842.670.752)
Công ty Cổ phần nhà hàng Quốc Tế	Khó có khả năng thu hồi	287.301.547	(287.301.547)	Khó có khả năng thu hồi	287.301.547	(287.301.547)
Các đối tượng khác	Khó có khả năng thu hồi	679.628.357	(679.628.357)	Khó có khả năng thu hồi	679.628.357	(679.628.357)
Trả trước cho người bán		881.842.327	(881.842.327)		881.842.327	(881.842.327)
Các bên liên quan		312.692.923	(312.692.923)		312.692.923	(312.692.923)
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Gia súc Gia cầm	Khó có khả năng thu hồi	312.692.923	(312.692.923)	Khó có khả năng thu hồi	312.692.923	(312.692.923)
Các tổ chức và cá nhân khác	Khó có khả năng thu hồi	569.149.404	(569.149.404)	Khó có khả năng thu hồi	569.149.404	(569.149.404)
Các khoản phải thu khác		19.788.550.803	(16.691.856.531)		19.269.052.071	(15.719.917.329)
Các tổ chức và cá nhân khác		19.788.550.803	(16.691.856.531)		19.269.052.071	(15.719.917.329)
Tạm ứng	Khó có khả năng thu hồi	8.125.679.663	(8.125.679.663)	Khó có khả năng thu hồi	8.125.679.663	(8.125.679.663)
Nguyễn Quốc Hùng	Khó có khả năng thu hồi	2.260.864.514	(2.260.864.514)	Khó có khả năng thu hồi	2.260.864.514	(2.260.864.514)
Tiền thuê đất chi hộ - Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	Quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm	2.349.510.418	(1.644.657.292)		-	-
Tiền thuê đất chi hộ - Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm	4.056.384.068	(2.028.192.034)	Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm	4.689.956.989	(2.344.978.495)
Tiền thuê đất chi hộ - Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	519.498.732	(155.849.620)	Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	1.715.937.497	(511.781.249)
Tiền thuê đất C1 Trung Tự chi hộ	Khó có khả năng thu hồi	2.216.940.075	(2.216.940.075)	Khó có khả năng thu hồi	2.216.940.075	(2.216.940.075)
Các đối tượng khác	Khó có khả năng thu hồi	259.673.333	(259.673.333)	Khó có khả năng thu hồi	259.673.333	(259.673.333)
Cộng		22.479.993.786	(19.383.299.514)		21.960.495.054	(18.411.360.312)